

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2014 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2011 - 2020 và Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế đất nước 5 năm 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2014 - 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM TÁI CƠ CẤU NGÀNH XÂY DỰNG

1. Mục tiêu tổng quát

Tái cơ cấu ngành xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm xây dựng chủ yếu. Phần đầu giá trị sản xuất của toàn ngành tăng trưởng bình quân từ 9% - 14%/năm; một số sản phẩm chủ yếu có bước phát triển đột phá, cơ bản chiếm lĩnh được thị trường trong nước, từng bước vươn ra thị trường khu vực và thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020.

a) Về hoàn thiện thể chế, chính sách:

Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc ngành xây dựng phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu hướng hội nhập quốc tế, xây dựng hành lang pháp lý hoàn chỉnh để các loại thị trường ngành xây dựng phát triển ổn định, cạnh tranh bình đẳng, công bằng và minh bạch; thúc đẩy phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội vào các lĩnh vực, sản phẩm ngành xây dựng có lợi thế cạnh tranh cao.

b) Về lĩnh vực đầu tư xây dựng:

- Xây dựng được hầu hết các công trình xây dựng thiết yếu bảo đảm chất lượng, thẩm mỹ, có giá thành cạnh tranh. Khắc phục cơ bản tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong đầu tư xây dựng, nhất là các dự án sử dụng vốn nhà nước; hạn chế tối đa việc điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh tiến độ dự án để đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Lĩnh vực tư vấn xây dựng và thi công xây lắp đạt trình độ ngang tầm các nước trong khu vực, trong đó có một số sản phẩm ngang tầm với các nước phát triển trên thế giới (xây dựng các nhà cao tầng, đường cao tốc, các nhà máy điện công suất lớn...), mức tăng trưởng bình quân hàng năm của tư vấn từ 10% - 15%, của xây lắp từ 8% - 12%.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, đồng thời tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách trong đó đặc biệt chú trọng đẩy mạnh mô hình đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

c) Về lĩnh vực phát triển đô thị:

- Hệ thống đô thị quốc gia phân bố hợp lý; phát triển đô thị bền vững, xanh, sạch, đẹp, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hình thành một số đô thị trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng có mức độ hiện đại, tốc độ phát triển và năng lực cạnh tranh ngang tầm với các nước trong khu vực; hình thành một số đô thị có chức năng đặc thù như: đô thị di sản, đô thị du lịch, đô thị khoa học...

- Tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt khoảng 40%; cấp nước bao phủ đạt 90% đối với đô thị loại IV trở lên, đạt 70% đô thị loại V; tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt chuẩn 60% đối với đô thị loại III trở lên; thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 90%.

- Tổ chức thực hiện và điều chỉnh kịp thời các mục tiêu về phát triển đô thị trên cơ sở Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Về lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản:

- Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người dân, hoàn thành các mục tiêu trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Phấn đấu đến năm 2020 diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 25 m²/người, trong đó tại đô thị khoảng 29 m²/người, tại nông thôn khoảng 22 m²/người; giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư xây dựng mới khoảng 12,5 triệu m² nhà ở xã hội khu vực đô thị.

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố toàn quốc đạt khoảng 70%, trong đó tại đô thị đạt trên 75%, tại nông thôn đạt 65%; xóa nhà ở đơn sơ trên phạm vi toàn quốc; nâng tỷ lệ hộ gia đình có công trình phụ hợp vệ sinh lên 90%, trong đó tại đô thị đạt xấp xỉ 100% và tại nông thôn đạt trên 80%.

- Tỷ lệ nhà ở chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại các đô thị loại đặc biệt đạt trên 90%, đô thị loại I và loại II đạt trên 60%, đô thị loại III đạt trên 40% tổng số đơn vị nhà ở xây dựng mới; tỷ lệ nhà ở cho thuê đạt tối thiểu khoảng 30% tổng quỹ nhà ở tại các đô thị từ loại III trở lên.

- Phát triển thị trường bất động sản ổn định, vững chắc, có cấu trúc hoàn chỉnh và cơ cấu hợp lý; khắc phục tình trạng lệch pha cung - cầu, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và các loại bất động sản khác; thị trường hoạt động hiệu quả và trở thành thị trường quan trọng, kết nối lưu thông với các thị trường khác của nền kinh tế. Phấn đấu nguồn thu từ kinh doanh bất động sản và đất đai đạt từ 10 - 15% tổng nguồn thu ngân sách.

d) Về lĩnh vực vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng:

- Sản lượng vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu. Chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng bảo đảm các tiêu chuẩn trong nước, một số đáp ứng tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Giá trị sản xuất, giá trị gia tăng trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng duy trì sự tăng trưởng ổn định, bền vững, bình quân khoảng 10%/năm.

- Sản xuất xi măng đạt khoảng 115 triệu tấn/năm, trong đó xuất khẩu khoảng 15%; gạch gốm ốp lát và đá ốp lát đạt khoảng 570 triệu m², xuất khẩu khoảng 25%; sứ vệ sinh đạt khoảng 21 triệu sản phẩm, xuất khẩu khoảng 16%; gạch xây đạt khoảng 30 tỷ viên quy tiêu chuẩn, trong đó vật liệu xây không nung chiếm khoảng 40%.

- Đầu tư sản xuất các vật liệu cao cấp có giá trị lớn phục vụ thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cao, hạn chế nhập khẩu, đến năm 2020 giảm từ 50% - 60% khối lượng vật liệu cao cấp nhập khẩu.

- Phát triển mạnh sản phẩm cơ khí xây dựng, nhất là các sản phẩm cơ khí phi tiêu chuẩn; tăng tỷ trọng cơ khí chế tạo trong nước nhằm chủ động trong công tác vận hành, khai thác, sửa chữa thay thế, cung cấp vật tư, phụ tùng.

- Nâng cao trình độ tư vấn, thiết kế, chế tạo nhằm sản xuất các vật tư thiết bị phụ tùng cho các dây chuyền thiết bị đồng bộ (dây chuyền sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu không nung, gạch ốp lát, thiết bị xử lý chất thải rắn đô thị...).

e) Về các doanh nghiệp xây dựng:

Hoàn thành việc tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước theo các đề án đã được phê duyệt; hình thành một số doanh nghiệp lớn trong ngành có trình độ quản lý hiện đại, công nghệ tiên tiến, có tiềm lực về vốn, đủ năng lực cạnh tranh ở tầm khu vực; các doanh nghiệp vừa và nhỏ được sắp xếp, tái cơ cấu theo hướng chuyên môn hóa cao. Các doanh nghiệp trong ngành có đủ năng lực mở rộng, tiến tới chiếm lĩnh và chi phối thị trường xây dựng trong nước.

3. Các quan điểm tái cơ cấu ngành xây dựng.

Thứ nhất, tái cơ cấu ngành xây dựng là một hợp phần của tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, nhằm không ngừng nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh, bảo đảm phát triển bền vững các lĩnh vực thuộc ngành.

Thứ hai, phân định rõ vai trò, chức năng của Nhà nước và của thị trường, khắc phục tư tưởng “nhà nước hóa” cũng như tư tưởng “thị trường hóa” một cách thái quá trong quản lý đầu tư phát triển. Trong đó, Nhà nước có vai trò định hướng và giữ nhịp cho thị trường phát triển, một mặt phải xây dựng hành lang pháp lý hoàn chỉnh, tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; đồng thời tăng cường sự quản lý, điều tiết của Nhà nước đối với các loại thị trường để thị trường phát triển ổn định, coi thị trường là phương tiện để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa, hướng đến phục vụ con người, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội.

Thứ ba, đổi mới tư duy quản lý phát triển theo nguyên tắc việc đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản phải tuân thủ theo quy hoạch và có kế hoạch, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, tự phát, phong trào dẫn đến dự án “treo”.

Thứ tư, tái cơ cấu ngành xây dựng theo lộ trình thích hợp, ưu tiên các lĩnh vực, sản phẩm có sức tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh cao, từng bước chiếm lĩnh, chi phối thị trường trong nước, đồng thời với chủ động hội nhập quốc tế.

Thứ năm, kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn; giữa phát triển kinh tế với thực hiện chính sách an sinh xã hội, đảm bảo sự tiến bộ và công bằng xã hội, nhất là trong lĩnh vực nhà ở; hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Thứ sáu, thực hiện tái cơ cấu ngành xây dựng gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính và phân công, phân cấp một cách hợp lý, bảo đảm sự quản lý thống nhất, chỉ đạo thông suốt từ trung ương đến địa phương, phát huy sự chủ động, sáng tạo của địa phương.

Thứ bảy, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp trong việc tự tái cấu trúc và tái cơ cấu chung của toàn ngành xây dựng; khuyến khích và thu hút sự tham gia tích cực của người dân và các thành phần kinh tế vào các lĩnh vực sản xuất sản phẩm xây dựng và dịch vụ đô thị.

II. ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU MỘT SỐ LĨNH VỰC VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU CỦA NGÀNH XÂY DỰNG.

1. Lĩnh vực tư vấn xây dựng

- Tạo bước phát triển đột phá trong lĩnh vực tư vấn xây dựng từ quan điểm, cách làm, mô hình phát triển, trình độ quản lý, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ, sự hiểu biết về môi trường pháp lý; đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng, công bằng và minh bạch giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, kể cả tư vấn trong nước và tư vấn nước ngoài.

- Đổi mới tư duy và nâng cao chất lượng tư vấn quy hoạch xây dựng. Đồ án quy hoạch phải có tầm nhìn dài hạn, có tính toán các nguồn lực thực hiện, để quy hoạch phải thực sự đi trước một bước và có tính khả thi cao, làm cơ sở cho việc kế hoạch hóa đầu tư và quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng.

- Hình thành đội ngũ chuyên gia tư vấn giỏi, có đủ năng lực thiết kế, giám sát, quản lý dự án đối với các công trình dân dụng cao trên 40 tầng, công trình công cộng, công trình hạ tầng quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp; tham gia vào lĩnh vực tư vấn điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; tham gia tổng thầu EPC các dự án giao thông, năng lượng điện, thủy lợi, công trình công nghiệp khác.

- Phát triển mô hình tổ chức tư vấn quản lý dự án chuyên nghiệp, có năng lực quản lý tổng hợp về dự án bao gồm cả kinh tế, kỹ thuật, môi trường, xã hội, thị trường và pháp luật liên quan đến đầu tư xây dựng.

- Áp dụng và làm chủ các phần mềm, thiết bị công nghệ và kỹ thuật tiên tiến hiện đại trong khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, quản lý xây dựng và kinh tế xây dựng, thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

2. Lĩnh vực thi công xây lắp

- Nâng cao năng lực tổ chức, quản lý thi công xây lắp theo hướng chuyên nghiệp hóa và chuyên môn hóa cao, làm chủ các công nghệ xây dựng tiên tiến, hiện đại để đảm nhận việc thi công các công trình có quy mô lớn, phức tạp, đòi hỏi kỹ thuật thi công tiên tiến như: nhà ở và các công trình dân dụng cao trên 40 tầng; công trình công cộng nhịp lớn (cung thể thao, nhà thi đấu, sân vận động); công trình ven biển và ngoài khơi; công trình dạng tháp cao... Tiếp thu công nghệ xây dựng các công trình nhà máy điện hạt nhân, công trình ngầm đô thị dạng tuyến và công trình ngầm dạng điểm sâu đến 30 m.

- Tăng cường nghiên cứu, áp dụng kết cấu công trình sử dụng các vật liệu mới, cường độ cao, đẩy mạnh công nghiệp hóa trong thi công xây dựng để nâng cao chất lượng công trình, rút ngắn thời gian thi công, hạ giá thành sản phẩm.

- Tăng cường lực lượng chuyên sâu về xây dựng, tổng thầu EPC các công trình năng lượng điện, giao thông, thủy lợi.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn và công nhân kỹ thuật; đảm bảo tỷ lệ công nhân xây dựng đã qua đào tạo đạt trên 50%; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, chuyên gia kỹ thuật, công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu thi công các công trình hiện đại, quy mô lớn, phức tạp cao.

3. Lĩnh vực phát triển đô thị

- Sắp xếp và tổ chức mạng lưới đô thị quốc gia một cách hợp lý theo Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 và Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, có rà soát, cập nhật, bổ sung để bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương và của cả nước theo từng giai đoạn.

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, nhất là quản lý phát triển các đô thị mới và các khu vực phát triển đô thị, đảm bảo đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải, cấp điện, chiếu sáng đô thị,...) và hạ tầng xã hội, khai thác hiệu quả và sử dụng tiết kiệm các nguồn lực xã hội, nhất là tài nguyên đất đai; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, hướng tới phát triển bền vững.

- Đổi mới tư duy trong việc nâng cấp, nâng loại đô thị theo hướng không khuyến khích mở rộng quy mô mà tập trung nâng cao chất lượng, tinh đồng bộ và năng lực cạnh tranh của đô thị, chú trọng phát huy vai trò, giá trị đặc trưng của từng đô thị như: Đô thị động lực phát triển kinh tế cấp quốc gia và cấp vùng, đô thị di sản, đô thị sinh thái, đô thị du lịch, đô thị khoa học...

- Tái cơ cấu đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (sản xuất và cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, dịch vụ nghĩa trang, chiếu sáng đô thị...) theo hướng lựa chọn công nghệ, thiết bị phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và của từng địa phương, trong đó ưu tiên lựa chọn công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, thân thiện với môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ đô thị, nhất là các nguồn lực ngoài Nhà nước; khai thác và sử dụng hợp lý vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi trong lĩnh vực phát triển đô thị.

4. Lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản

- Tăng cường vai trò quản lý, kiểm soát của Nhà nước đối với thị trường bất động sản trên nguyên tắc Nhà nước thực hiện quản lý thị trường bất động sản bằng công cụ pháp luật, chủ động điều tiết thị trường với tư cách đại diện chủ sở hữu đất đai thông qua việc kiểm soát thị trường quyền sử dụng đất sơ cấp và ban hành các chính sách tín dụng, thuế, tài khóa một cách linh hoạt.

- Tái cơ cấu hàng hóa bất động sản theo hướng phát triển đa dạng các loại hàng hoá bất động sản, nhất là bất động sản nhà ở cho phù hợp với nhu cầu của thị trường. Quy định về cơ cấu các loại nhà ở, đa dạng hóa sản phẩm ngay từ khâu quy hoạch, phê duyệt dự án, bảo đảm thị trường bất động sản phát triển cân đối cung - cầu và có khả năng thanh toán. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại diện tích nhỏ, giá bán thấp, điều chỉnh hợp lý nguồn cung nhà ở thương mại cao cấp; đẩy mạnh phát triển nhà ở cho thuê.

- Tiếp tục rà soát các dự án kinh doanh bất động sản trên phạm vi cả nước, tiến hành phân loại các dự án được tiếp tục triển khai, các dự án cần tạm dừng, các dự án cần điều chỉnh cơ cấu cho phù hợp với nhu cầu của thị trường, phù hợp với kế hoạch phát triển từng loại bất động sản của từng địa phương. Nghiên cứu, giải quyết tình trạng các khu đô thị mới dở dang nhất là tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát triển nhà ở phải đồng bộ với các công trình hạ tầng xã hội, bảo đảm an toàn, tiện nghi và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng xây dựng, kiến trúc, cảnh quan, môi trường; đủ khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, sử dụng tiết kiệm năng lượng; có giá cả phù hợp với khả năng chi trả của đại đa số đối tượng trong xã hội.

- Nhà nước có chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua, nhằm cải thiện nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, cán bộ công chức, lực lượng vũ trang, người thu nhập thấp, thông qua các hình thức hỗ trợ về đất đai, tài chính, thuế, tín dụng ưu đãi.

- Hình thành và tạo điều kiện để các định chế tài chính phi ngân hàng như quỹ đầu tư bất động sản, quỹ tín thác bất động sản... phát triển nhằm thu hút các nguồn vốn cho thị trường bất động sản. Điều chỉnh chính sách tín dụng, tài khóa để tạo điều kiện về vốn trung hạn và dài hạn cho các chủ thể tham gia thị trường; hoàn thiện chính sách thuế, phí và lệ phí để khuyến khích sử dụng có hiệu quả bất động sản, giao dịch công khai, hạn chế đầu cơ, trốn lậu thuế.

- Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của các chủ thể tham gia thị trường bất động sản. Mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh bất động sản cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm thu hút nguồn lực đầu tư nước ngoài.

- Xây dựng hệ thống thông tin, dự báo về thị trường bất động sản thống nhất, tin cậy làm cơ sở cho hoạch định chính sách và quản lý thị trường một cách hiệu quả; thực hiện cung cấp thông tin, bảo đảm thị trường hoạt động công khai, minh bạch.

5. Lĩnh vực vật liệu xây dựng

- Phát triển vật liệu xây dựng phải tuân thủ quy hoạch, bảo đảm cân đối cung - cầu trên cơ sở bám sát nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, duy trì sự ổn định thị trường xi măng và các loại vật liệu xây dựng chủ yếu; tăng cường quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Điều chỉnh cơ cấu hàng hóa vật liệu xây dựng theo hướng: đối với các vật liệu xây dựng chủ yếu, phải sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu, trong đó đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như: gạch gốm ốp lát, đá ốp lát tự nhiên, sứ vệ sinh, kính phẳng, vôi công nghiệp; đối với các vật liệu hoàn thiện cao cấp, phải tăng cường sản xuất trong nước, giảm dần nhập khẩu. Đẩy mạnh phát triển vật liệu xây không nung. Ưu tiên phát triển vật liệu địa phương, vật liệu tại chỗ nhằm phát huy lợi thế của các địa phương và vùng miền, giảm chi phí vận chuyển.

- Ưu tiên đầu tư công nghệ mới, tiên tiến, thiết bị hiện đại sản xuất ra các sản phẩm vật liệu xây dựng hoàn thiện cao cấp, có tính năng vượt trội, có hàm lượng công nghệ cao, hiệu quả kinh tế lớn, phục vụ tiêu dùng trong nước thay thế hàng nhập khẩu và tiến tới xuất khẩu ra nước ngoài.

- Tái cơ cấu đầu tư các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng tăng dần quy mô sản xuất theo nhu cầu của thị trường, hình thành các cơ sở chế biến nguyên liệu, các khu vực sản xuất vật liệu xây dựng tập trung, quy mô lớn, công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao.

- Thực hiện việc áp dụng định mức tiêu hao năng lượng, nguyên liệu, triển khai áp dụng các công nghệ vật liệu mới, vật liệu nano sử dụng cho ngành xây dựng và xử lý ô nhiễm môi trường (xử lý nước thải, chất thải rắn, tái chế chất thải, công nghệ xanh,...) trong các sản phẩm vật liệu xây dựng theo Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Từng bước hiện đại hóa công nghệ sản xuất theo hướng sản xuất xanh, sạch, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiêu tốn ít năng lượng, kết hợp với nâng cao chất lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh việc sử dụng phế thải làm nguyên, nhiên liệu sản xuất các loại vật liệu xây dựng.

6. Lĩnh vực cơ khí xây dựng

- Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ cấu lại các doanh nghiệp cơ khí xây dựng theo hướng nâng cao trình độ công nghệ, năng lực thiết bị và nhân lực để làm chủ thiết kế, chế tạo và lắp ráp một số máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng tại Việt Nam. Cải tiến, hiện đại hóa hệ thống thiết bị đồng bộ cho dây chuyền sản xuất các loại vật liệu xây dựng để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Xây dựng chính sách tập trung đầu tư nâng cao chất lượng chế tạo thiết bị trong nước, tăng tỷ lệ nội địa hóa dây chuyền thiết bị sản xuất xi măng và một số thiết bị trong các nhà máy nhiệt điện, thủy điện. Khuyến khích nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung, thiết bị xử lý chất thải rắn đô thị, thiết bị xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao từ sản xuất công nghiệp để sản xuất vật liệu xây dựng, hướng đến sản xuất sạch và bền vững.

7. Tái cơ cấu doanh nghiệp ngành xây dựng

- Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực xây dựng theo hướng Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối tại các doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới, phát triển và tiến tới áp dụng đầy đủ khung quản trị hiện đại, bảo đảm các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường và cạnh tranh bình đẳng.

- Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, khuyến khích hình thành và phát triển các doanh nghiệp ngoài nhà nước có tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài.

- Hình thành các doanh nghiệp quy mô lớn, đa ngành, với sức mạnh tổng hợp, có đủ khả năng tổng thầu các dự án nhà ở, thương mại, công nghiệp, giao thông, thủy lợi quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp.

- Sắp xếp, tái cơ cấu các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo hướng chuyên môn hóa cao để nâng cao năng lực và sức cạnh tranh; phát triển mạng lưới các doanh nghiệp chuyên cung cấp các yếu tố cấu thành sản phẩm xây dựng (chuyên cung cấp nhân lực, máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, giải pháp công nghệ, mô hình quản lý...) để nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả quản lý.

- Nghiên cứu, lựa chọn áp dụng mô hình thích hợp các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công ích như: cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn, dịch vụ nghĩa trang, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Nghiên cứu, rà soát, xây dựng phương án để sắp xếp, đổi mới các đơn vị sự nghiệp ngành xây dựng (trường, viện, trung tâm...) theo hướng xã hội hóa và từng bước cổ phần các đơn vị này nhằm giảm bớt gánh nặng ngân sách chi cho hoạt động của các đơn vị sự nghiệp ngành xây dựng.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển các lĩnh vực của ngành xây dựng. Cụ thể:

a) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý của ngành xây dựng phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu hướng hội nhập quốc tế;

b) Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các sản phẩm, lĩnh vực chủ yếu của ngành; trong đó, tập trung ưu tiên hình thành các định chế tài chính nhằm thu hút các nguồn vốn cho thị trường, tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, đồng thời tạo điều kiện để các thị trường thuộc ngành Xây dựng phát triển ổn định, cạnh tranh bình đẳng, công bằng và minh bạch.

c) Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng và các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành xây dựng;

d) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, hệ thống công cụ quản lý đầu tư xây dựng đảm bảo nâng cao chất lượng, tạo môi trường cạnh tranh minh bạch, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

đ) **Đẩy mạnh việc giám sát, kiểm tra, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xây dựng và thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành;**

2. Nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức quy hoạch xây dựng, quy hoạch, chiến lược phát triển các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu. Cụ thể:

a) **Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng, đảm bảo quy hoạch phải đi trước một bước, có tầm nhìn dài hạn, có tính toán các nguồn lực thực hiện theo từng giai đoạn.**

b) **Rà soát điều chỉnh bổ sung các quy hoạch vùng, quy hoạch chung trên phạm vi cả nước, đẩy nhanh tốc độ phù hợp quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng nông thôn.**

c) **Tăng cường kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, rà soát điều chỉnh dự án, cơ cấu lại sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ việc phát triển các khu đô thị mới tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương, bảo đảm các khu đô thị được xây dựng đồng bộ, đầy đủ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.**

d) **Rà soát, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các đồ án, đề án quy hoạch, đảm bảo quy hoạch các lĩnh vực, sản phẩm được lập phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch ngành và nhu cầu khách quan của xã hội, của thị trường, trong đó tập trung ưu tiên vào các nội dung: Rà soát, hoàn thiện quy hoạch sử dụng quỹ nhà ở xã hội, cơ chế ưu tiên, ưu đãi về nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội; quy hoạch phát triển hệ thống các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng chủ yếu, tránh gây lãng phí trong đầu tư phát triển, khai thác sử dụng tối đa năng lực các cơ sở hiện có; quy hoạch phát triển cơ khí, công nghiệp hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế.**

đ) **Tăng cường sự phối, kết hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong việc lập quản lý và thực hiện các chiến lược quy hoạch, khắc phục tình trạng quy hoạch treo, dự án treo.**

e) **Định kỳ rà soát điều chỉnh bổ sung các chiến lược quy hoạch phát triển đối với các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của ngành xây dựng phù hợp với định hướng tái cơ cấu.**

g) **Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chiến lược quy hoạch, kế hoạch đảm bảo tính công khai minh bạch và nâng cao tính khả thi của chiến lược, quy hoạch.**

3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công. Cụ thể:

a) **Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp. Đổi mới mô hình tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng, phát triển đô thị theo hướng chuyên nghiệp hóa thông qua việc áp dụng mô hình ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực.**

b) Tập trung quản lý có hiệu quả các dự án trọng điểm Chính phủ giao, các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước đối với các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của ngành (trên cơ sở các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch được duyệt);

c) Nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công. Có kế hoạch cụ thể nhằm cân đối nguồn lực cho đầu tư phát triển từng lĩnh vực, từng sản phẩm. Ưu tiên đầu tư công cho các lĩnh vực, sản phẩm có khả năng thu hồi vốn thấp hoặc không thể huy động từ nguồn khác để phục vụ nhu cầu cấp bách, thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao điều kiện sống của người dân.

d) Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi đối với các dự án phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

đ) Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, quản lý có hiệu quả các dự án đầu tư liên vùng, liên tỉnh, cấp quốc gia, các dự án có yêu cầu kỹ thuật phức tạp;

e) Kiểm soát, quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành xây dựng.

4. Khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách. Cụ thể:

a) Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của ngành xây dựng, đặc biệt thúc đẩy thực hiện hình thức hợp tác công tư (PPP) nhằm tạo bước đột phá về huy động nguồn vốn;

b) Tập trung lựa chọn các lĩnh vực, dự án ưu tiên để thực hiện thí điểm, trong đó khuyến khích các dự án trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị (như cấp nước, thoát nước, chất thải rắn,...), nhà ở xã hội;

c) Hướng dẫn các địa phương xây dựng, cung cấp thông tin đầy đủ về danh mục các dự án đầu tư theo hình thức PPP để xúc tiến đầu tư và các chính sách có liên quan.

d) Kiện toàn tổ chức quản lý đầu tư theo hình thức PPP của ngành xây dựng.

5. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ngành xây dựng

a) Đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp toàn ngành theo hướng xây dựng các sản phẩm, dịch vụ mũi nhọn có tính chuyên môn hóa, chuyên biệt hóa cao. Tiến tới nâng cao năng lực cạnh tranh và xây dựng các doanh nghiệp quản lý để tiếp cận và hội nhập với quốc tế.

b) Tập trung hoàn thành công tác cổ phần hóa các Tổng công ty nhà nước thuộc Bộ Xây dựng theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đặc biệt trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội; Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển.

d) Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động, tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh, giải quyết hàng tồn kho, xử lý nợ xấu, thoái vốn đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chính của các doanh nghiệp bảo đảm hoạt động đúng mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

đ) Chú trọng công tác cán bộ, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với doanh nghiệp nhà nước. Nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan chủ sở hữu, trình độ của cán bộ viên chức quản lý tại doanh nghiệp nhà nước.

6. Đổi mới đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Cụ thể:

a) Rà soát, bổ sung, điều chỉnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 13 tháng 9 năm 2012.

b) Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức ngành xây dựng theo Quyết định số 1961/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2010 phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010 - 2015”;

c) Đẩy mạnh đào tạo nâng cao, đào tạo lại, mở rộng các hình thức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành xây dựng (cán bộ công chức, cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao, công nhân...) đáp ứng được yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực cho các công trình trọng điểm, có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, đòi hỏi cao về kỹ thuật xây dựng (công trình ngầm, công trình biển, nhà máy điện hạt nhân,...). Áp dụng chế độ tuyển dụng công khai thông qua thi tuyển.

d) Đẩy mạnh đầu tư; thực hiện xã hội hóa; hoàn thiện các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng.

d) Xây dựng cơ chế tiền lương và các chế độ ưu đãi đối với người lao động ngành xây dựng phù hợp với điều kiện lao động đặc thù của ngành và phù hợp với thị trường.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế. Cụ thể:

a) Xây dựng, ban hành cơ chế khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, tiên tiến trong thi công xây lắp, tư vấn xây dựng, quy hoạch xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng đáp ứng yêu cầu bền vững, thân thiện, hạ giá thành sản phẩm, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

b) Quản lý, gắn kết chặt chẽ, nâng cao tính ứng dụng các hoạt động khoa học và công nghệ với thực tiễn sản xuất và quản lý của ngành; nghiên cứu, từng bước tiếp thu và làm chủ các công nghệ tiên tiến (công nghệ thi công xây dựng công trình ngầm, các công nghệ sản xuất gạch không nung, công nghệ xử lý chất thải rắn, nhà máy điện hạt nhân, các công trình phức tạp khác...); phát triển, cải tiến, hiện đại hóa các công nghệ trong lĩnh vực cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, các công nghệ truyền thống nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng.

c) Nghiên cứu, hợp tác với các nước phát triển trong việc áp dụng và làm chủ các công nghệ và kỹ thuật hiện đại trong khoa học quản lý xây dựng và kinh tế xây dựng. Ứng dụng mô hình thông tin công trình BIM (Building - information - Modeling), ứng dụng phần mềm thiết kế, xây dựng ảo VDC (virtual - design - construction).

d) Chỉ đạo, khuyến khích đầu tư đổi mới khoa học công nghệ tại các doanh nghiệp xây dựng.

d) Tăng cường hợp tác, chủ động hội nhập quốc tế; chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực cần thiết để tham gia hội nhập quốc tế có hiệu quả theo chỉ đạo của Chính phủ; đẩy mạnh hợp tác và trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm với các đối tác nước ngoài trong quản lý, phát triển các lĩnh vực thuộc ngành.

8. Thực hiện xây dựng và quản lý hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu từng lĩnh vực và sản phẩm theo hướng công khai, minh bạch.

a) Xây dựng mô hình quản lý hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu toàn ngành bảo đảm tính thống nhất, đủ độ tin cậy. Xây dựng hệ thống thông tin, dự báo cung - cầu về nhân lực ngành xây dựng, về vật liệu xây dựng, về nhà ở, thị trường bất động sản... từ trung ương đến địa phương làm cơ sở cho hoạch định chính sách, quản lý thị trường xây dựng, thị trường bất động sản.

b) Thực hiện cung cấp thông tin, quản lý thông tin của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng, thị trường xây dựng, thị trường bất động sản bảo đảm công khai, minh bạch, lành mạnh, chuyên nghiệp.

c) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, mã hóa, hệ thống phần mềm ứng dụng để quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu chủ yếu của ngành, về: Nguồn lực chung ngành xây dựng; nguồn nhân lực ngành xây dựng; các doanh nghiệp ngành xây dựng (bao gồm cả tư vấn, xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng...); các sản phẩm, sản phẩm khoa học công nghệ, sản phẩm ứng dụng công nghệ mới trong ngành xây dựng; giá thị trường (vật liệu, nhân công, máy thi công); nhà ở, đất ở, thị trường bất động sản; tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đề án. Thành lập Ban chỉ đạo tái cơ cấu ngành do Bộ trưởng Bộ Xây dựng làm trưởng ban để chỉ đạo, triển khai điều phối, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện đề án.

b) Chỉ đạo thực hiện các đề án tái cơ cấu lĩnh vực, doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Chỉ đạo xây dựng phê duyệt, kiểm tra, đôn đốc giám sát việc thực hiện các đề án tái cơ cấu các lĩnh vực, các sản phẩm, các tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Xây dựng quyết định thành lập. Tổng hợp nắm bắt tình hình tái cơ cấu các doanh nghiệp xây dựng và nước.

c) Chủ động phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu của Đề án.

d) Hàng năm tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện, thường xuyên chủ động nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung đối với tất cả các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu liên quan đến ngành xây dựng trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan có liên quan bố trí vốn đáp ứng nhu cầu phát triển các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của ngành xây dựng, đặc biệt là vốn cho các chương trình đáp ứng nhu cầu cấp bách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội như: phát triển nhà ở xã hội, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị và nông thôn, vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn nhà nước tham gia các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP.

b) Phối hợp với Bộ Xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, tránh chồng chéo.

c) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển đô thị, cấp nước, thoát nước, chất thải rắn, nhà ở và thị trường bất động sản, vật liệu xây dựng,...

3. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc nghiên cứu, đề xuất ban hành các cơ chế chính sách về tài chính phục vụ việc thực hiện đề án.

b) Phối hợp với Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách liên quan đến bảo lãnh, bảo hiểm công trình xây dựng.

4. Ngân hàng nhà nước

a) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cho vay đối với các chương trình, dự án trọng điểm, dự án phát triển nhà ở xã hội phù hợp với chủ trương của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

b) Phối hợp với Bộ Xây dựng và các địa phương rà soát cơ chế, chính sách tín dụng hỗ trợ ngành xây dựng thực hiện đề án.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các địa phương rà soát, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất cho phát triển đô thị và nông thôn theo quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị được duyệt.

b) Phối hợp với Bộ Xây dựng trong quá trình xây dựng các quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn, quy hoạch vật liệu xây dựng trong quá trình xây dựng các dự án đầu tư xây dựng.

c) Chủ trì hướng dẫn các địa phương thành lập các trung tâm phát triển quỹ đất nhằm tạo quỹ đất phục vụ phát triển đô thị, nhà ở và xây dựng các khu tái định cư.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức rà soát, điều chỉnh bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học công nghệ, hỗ trợ Bộ Xây dựng thực hiện Đề án.

b) Phối hợp với Bộ Xây dựng trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung kịp thời các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các lĩnh vực ngành xây dựng. Thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho các sản phẩm ngành xây dựng.

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc tổ chức nghiên cứu thử nghiệm, ứng dụng các công nghệ mới, phần mềm trong quản lý, sản xuất của ngành xây dựng.

7. Bộ Công Thương

Phối hợp với Bộ Xây dựng nghiên cứu, xây dựng chiến lược, chính sách phát triển ngành vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, triển khai các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, quản lý nhập khẩu đối với hàng hóa là vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng

8. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành khác có các hoạt động liên quan đến các lĩnh vực sản phẩm ngành xây dựng

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong việc triển khai thực hiện Đề án.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ nội dung Đề án, tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chiến lược, quy hoạch phát triển, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu ngành xây dựng của địa phương và xây dựng kế hoạch triển khai.

b) Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư các lĩnh vực, sản phẩm ngành xây dựng phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương; ưu tiên hỗ trợ phát triển đô thị, hạ tầng đô thị, nhà ở xã hội, các sản phẩm vật liệu xây dựng.

c) Quản lý, giám sát chất lượng, hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

Điều 2. Điều khoản thi hành

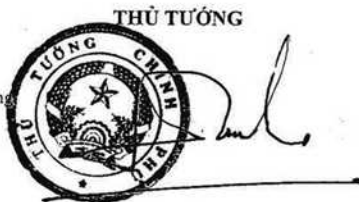
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b)

THỦ TƯỚNG

The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the national emblem of Vietnam. To the right of the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Tấn Dũng